

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ II NIÊN ĐỘ 2024-2025

Kính gửi:.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 112.../KT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lương Quốc Quyền
6. Điện thoại: 0978.131.246
7. Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☐ Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý II niên độ 2024-2025 (kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/03/2025):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
 - Công văn số 114.../KT ngày 18/04/2025 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Lương Quốc Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 113/CBTT
V/v công bố thông tin BCTC

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý II niên độ 2024-2025 (kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/03/2025) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

- Mã chứng khoán: CAP
- Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, Phường Hồng Hà, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02163.862278 Fax:
- Email: yfatuf@gmail.com Website: www.yfatuf.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý II niên độ 2024-2025 (kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/03/2025).

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/04/2025 tại đường dẫn: Website: <http://www.yfatuf.com.vn/bao-cao-tai-chinh-tong-hop-quy-2-nien-do-2024-2025/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:
Không có

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính tổng hợp quý II niên độ 2024-2025;

- Công văn giải trình số...../KT..... V/v chênh lệch lợi nhuận sau thuế;

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP.



NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

Lương Quốc Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: AAA/KT

Yên Bái, ngày 18 tháng 04 năm 2025

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý II niên độ 2024-2025 (từ ngày 01/01/2025 đến 31/03/2025) có kết quả như sau:

- | | |
|--|--------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
quý II niên độ 2024-2025 | 62.015.991 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán :
quý II niên độ 2023-2024 | 9.229.532.710 đồng |
| - Chênh lệch giảm : | 99 % |

Nguyên nhân:

- Giá vốn hàng bán trên đơn vị sản phẩm tăng so với cùng kỳ.
- Doanh thu bán hàng giảm.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đ.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.192.274.026	243.977.602.153
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.192.404.159	94.467.547.790
1. Tiền	111		9.192.404.159	64.467.547.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.025.955.286	33.862.902.087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.336.005.060	28.457.078.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.625.506.538	4.395.329.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.176.633.663	1.122.683.436
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(112.189.975)	(112.189.975)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		157.181.250.039	115.588.167.636
1. Hàng tồn kho	141	V.6	157.181.250.039	115.588.167.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		792.664.542	58.984.640
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	493.343.571	58.984.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		299.320.971	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.529.340.376	25.985.903.798
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đ.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		19.614.062.016	21.473.979.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	19.614.062.016	21.473.979.949
- Nguyên giá	222		187.589.093.016	184.239.752.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(167.975.031.000)	(162.765.772.178)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.368.746.925	3.649.987.888
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.368.746.925	3.649.987.888
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	546.531.435	861.935.961
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	546.531.435	861.935.961
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		285.721.614.402	269.963.505.951
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		92.240.108.789	30.015.199.762
I. Nợ ngắn hạn	310		92.213.258.789	29.988.349.762
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	15.730.189.083	11.033.055.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	284.439.336	430.084.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	890.719.949	2.635.934.303
4. Phải trả người lao động	314		10.479.963.947	4.434.182.794
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.476.841.480	607.771.311
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	53.014.953.816	1.041.310.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.923.015.588	5.700.300.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	3.413.135.590	4.105.711.314
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/03/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		193.481.505.613	239.948.306.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	193.481.505.613	239.948.306.189
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.002.773.233	41.002.773.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.456.021.709	45.922.822.285
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.985.843.509	15.000.936.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.470.178.200	30.921.885.524
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		285.721.614.402	269.963.505.951

Người lập biểu

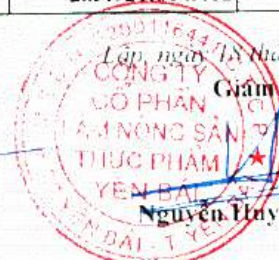
Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Giám đốc

Nguyễn Huy Thông



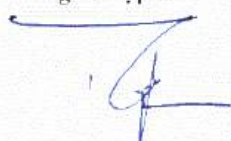
CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI
Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II niên độ 2024-2025 (từ 01/01-31/03/2025)


Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II NIÊN ĐỘ 2024-2025		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/01/2025- 31/03/2025)	Năm trước (01/01/2024- 31/03/2024)	Năm nay (01/01/2024- 31/03/2025)	Năm trước (01/01/2023- 31/03/2024)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	164.529.209.475	102.101.448.614	309.424.063.907	288.581.777.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	164.529.209.475	102.101.448.614	309.424.063.907	288.581.777.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	150.910.849.763	80.837.973.563	279.835.938.021	237.243.018.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		13.618.359.712	21.263.475.051	29.588.125.886	51.338.758.289
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.576.730.702	1.931.763.763	5.372.922.864	2.496.290.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	243.841.241	280.216.376	316.881.028	460.092.418
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	280.195.781	0	413.599.337
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.717.417.358	4.644.598.873	14.426.194.189	12.731.481.572
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.156.425.367	6.606.385.294	13.353.901.046	13.942.005.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.406.448	11.664.038.271	6.864.072.487	26.701.469.030
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.669	500.000.000	2.397.302	504.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.669)	(500.000.000)	(2.397.302)	(504.000.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.399.779	11.164.038.271	6.861.675.185	26.197.469.030
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	15.383.788	1.934.505.561	1.391.496.985	4.171.094.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		62.015.991	9.229.532.710	5.470.178.200	22.026.374.243
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	4	581	340	1.388

Người lập biểu


Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng


Lương Quốc Quyền

Lập ngày 18 tháng 04 năm 2025
 Giám đốc

Nguyễn Huy Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) ()*
Quý II niên độ 2024-2025 (từ 01/01-31/03/2025)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2024-31/03/2025)	Năm trước (01/10/2023-31/03/2024)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.861.675.185	26.197.469.030
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.209.258.822	6.770.804.467
- Các khoản dự phòng	03		(777.284.412)	1.878.883.943
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.369.684.652)	(226.647.604)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	(1.732.815.770)
- Chi phí lãi vay	06		0	413.599.337
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.923.964.943	33.301.293.403
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.544.362.901)	(31.212.272.767)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.593.082.403)	(248.095.712.133)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.721.125.508	15.409.646.106
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(118.954.405)	(1.396.545.279)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(230.882.821)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.763.685.362)	(4.637.681.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.238.670.000)	(2.815.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.613.664.620)	(239.678.004.638)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.349.340.889)	(2.334.179.908)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2024- 31/03/2025)	Năm trước (01/10/2023- 31/03/2024)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			117.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		686.357.184	5.438.777.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.662.983.705)	110.504.598.054
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	61.723.709.694
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	61.723.709.694
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(50.276.648.325)	(67.449.696.890)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		94.467.547.790	80.955.321.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.504.694	391.626
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		44.192.404.159	13.506.015.885

Người lập biểu

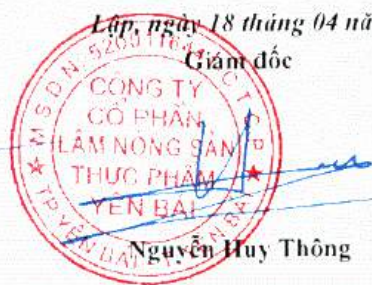

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng


Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đ. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2025: NH Bidv: 25.385 VND/USD; NH Techcombank: 25.420 VND/USD; NH Vietinbank: 25.255 VND/USD; NH Vietcombank: 25.380 VND/USD; NH Bidv: 3.487 VND/CNY.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bao hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bao quan, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bao lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)	
Tiền mặt		2.051.157.216	1.087.891.570	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		7.141.246.943	63.379.656.220	
Các khoản tương đương tiền		35.000.000.000	30.000.000.000	
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống		-	-	
		44.192.404.159	94.467.547.790	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dầu tư ngắn hạn khác	0	-	0	-
Cộng	0	-	0	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)	
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		15.492.778.497	12.210.846.532	
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		10.993.514.471	3.100.203.021	
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		3.672.378.329	2.515.159.449	
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		2.505.160.456	2.717.902.420	
Shandong Port International Trading Group Qingdao Co., Ltd		4.905.783.750	0	
Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng		913.727.628	0	
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành		918.753.888	41.005.440	
Guangxi pingxiang Yunxinli Imp. & Exp. Trade Co., LTD		1.173.375.500	0	
Các khách hàng khác		11.760.532.541	7.871.961.800	
Cộng		52.336.005.060	28.457.078.662	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)	
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		21.262.000	42.630.000	
Công ty cổ phần NEXTECH ECOLIFE		609.000.000	609.000.000	
Công ty CP do đặc bản đồ Quân Tiến		143.000.000	198.000.000	
Công ty TNHH MTV Trảng An 168		2.521.152.000	1.261.440.000	
Các nhà cung cấp khác		331.092.538	2.284.259.964	
Cộng		3.625.506.538	4.395.329.964	
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/03)	Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.078.700.000		1.006.000.000	
Lãi tiền gửi dự thu	0		0	
Thuế TNCN phải thu	49.693.663		79.558.436	
khác	48.240.000		37.125.000	
Cộng	3.176.633.663		1.122.683.436	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****Nợ phải thu,
cho vay ngắn
hạn****Nợ phải thu, cho
vay dài hạn****Cộng**

Số đầu năm	(112.189.975)		(112.189.975)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm đo xóa nợ		-	-
Số cuối kỳ			(112.189.975)

7. Hàng tồn kho**Cuối kỳ (31/03)****Đầu năm (01/10)**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu:	8.326.371.798		8.442.099.248	
Chi phí sản xuất KD dở dang:	2.620.185.865		2.147.348.795	
Thành phẩm:	146.234.692.376	-	101.714.302.416	
Hàng gửi đi bán:	0		3.284.417.177	
Cộng	157.181.250.039	-	115.588.167.636	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn**Cuối kỳ****Đầu năm**

Tiền chi phí cất cũi nhà máy sản Văn Yên	7.930.000	0
Phân bổ chi phí sửa chữa lớn Nhà máy sản Văn Yên	0	58.984.640
Phân bổ chi phí phụ tùng thay thế + bảo hộ lao động các NM	43.645.263	0
Phân bổ chi phí bảo hộ lao động văn phòng Công ty	140.952.170	0
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2024 NM Yên Hợp	135.478.500	0
Tiền lập bản đồ, tư vấn hồ sơ giá hạn Nhà máy Nguyễn Phúc	66.043.440	0
Phân bổ chi phí sửa chữa lớn Nhà máy giấy Văn Chấn	99.294.198	0
Cộng	493.343.571	58.984.640

9. Chi phí trả trước dài hạn**Cuối kỳ****Đầu năm**

- Bổ sung PA cải tạo HT XLNT Yên Bình	207.898.746	346.497.912
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Văn Chấn, Minh Quân	248.263.897	413.773.153
- Phí hồ sơ khai thác sử dụng nước mặt Yên Hợp, Minh Quân	90.368.792	101.664.896
Cộng	546.531.435	861.935.961

10. Phải thu dài hạn khác**Cuối kỳ****Đầu năm**

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	78.906.819.602	98.026.318.411	6.762.011.985	88.450.000	456.152.129	184.239.752.127
Tăng trong kỳ	-	3.349.340.889	-	-	-	3.349.340.889
-Do mua sắm mới	-	3.276.637.037	-	-	-	3.276.637.037
-Do phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
-Do XD/CB hoàn thành	-	72.703.852	-	-	-	72.703.852
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	78.906.819.602	101.375.659.300	6.762.011.985	88.450.000	456.152.129	187.589.093.016
Trong đó:						
<i>Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD</i>	57.728.381.705	67.663.672.138	4.049.448.349	88.450.000	456.152.129	129.986.104.321
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	67.888.867.581	88.907.324.318	5.424.978.150	88.450.000	456.152.129	162.765.772.178
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	2.103.750.027	2.879.461.825	226.046.970	-	-	5.209.258.822
- Tăng do điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	69.992.617.608	91.786.786.143	5.651.025.120	88.450.000	456.152.129	167.975.031.000
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.017.952.021	9.118.994.093	1.337.033.835	-	-	21.473.979.949
Số cuối kỳ	8.914.201.994	9.588.873.157	1.110.986.865	-	-	19.614.062.016

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đ.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.526.152.120	72.703.852	72.703.852	0	3.526.152.120
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	3.033.652.120	0	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Hệ thống quan trắc tự động NM Sản Văn Yên năm 2025	0	72.703.852	72.703.852	0	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định	123835768	1.731.947.719	0	1.013.188.682	842.594.805
- Nhà máy giấy Yên Bình	0	631.491.407	0	369383131	262.108.276
- Nhà máy giấy Văn Chấn	0	181.433.245	0	181.433.245	0
- Nhà máy giấy Minh Quân	0	390.973.502	0	256.078.722	134.894.780
- Nhà máy giấy Yên Hợp		45.167.500			45.167.500
- Nhà máy gia công giấy xuất khẩu khâu Nguyễn Phúc		22.165.200	0	22.165.200	0
- Sửa chữa lớn TSCĐ -NM sản văn Yên	123.835.768	460.716.865	0	184.128.384	400.424.249
Cộng	3.649.987.888	1.804.651.571	72.703.852	1.013.188.682	4.368.746.925

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	650.760.000	1.022.520.000
Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp	362.146.304	491.840.026
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	608.015.489	246.502.993
Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ XNK Quang Minh	1.299.769.080	0
Trần Văn Chí	433.097.340	0
Trần Văn Thảo	256.357.460	0
Công ty cổ phần Tân Hưng	1.129.960.260	0
Nguyễn Thị Quỳnh	943.717.920	0
Các nhà cung cấp khác	10.046.365.230	9.272.192.096
Cộng	15.730.189.083	11.033.055.115

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công Ty TNHH một thành viên Minh Vũ 3H	68.057.000	0
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Viên Phú	144.726.912	253.903.884
Công ty Cổ Phần xây dựng và Công nghệ Vĩnh Tường	26.579.200	130.902.400
Các khách hàng khác	45.076.224	45.278.480
Cộng	284.439.336	430.084.764

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	243.187.138		3.295.996.421	2.673.469.658	865.713.901	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		332.713	332.713	0	
Thuế nhập khẩu	0		356.478	356.478	0	
Thuế TNDN	2.387.572.165		1.391.496.985	3.763.685.362	15.383.788	
Thuế TNCN (mức tại nguyên) + cấp quyền khai thác nước mặt	0	0	1.268.121.571	968.800.600	0	299.320.971
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.175.000		325.894.665	321.447.405	9.622.260	
	0		237.914.693	237.914.693	0	
Các loại thuế khác	0		11.205.842	11.205.842		
Cộng	2.635.934.303	-	6.531.319.368	7.977.212.751	890.719.949	299.320.971

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	21.075.000	17.505.000
Chi phí tiền điện (các NM)	1.748.070.149	505.007.133
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	206.880.741	85.259.178
Chi phí Ủ phân + Chi phí quản lý vùng nguyên liệu	634.504.018	0
Chi phí duy trì hồ Biogas NM sản Văn Yên	463.599.728	0
Chi phí quản lý NM sản Văn Yên	346.611.844	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	56.100.000	0
Cộng	3.476.841.480	607.771.311

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	103.451.430	65.546.050
Bảo hiểm xã hội	681.054.425	620.046.200
Cổ tức phải trả	50.390.884.500	0
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	0
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	1.000.000.000	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	839.563.461	355.717.911
Cộng	53.014.953.816	1.041.310.161

19.Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí sửa chữa lớn + vật kiến trúc các Nhà máy	1.728.816.201	0
Tiền lương bổ sung	3.194.199.387	5.700.300.000
Cộng	4.923.015.588	5.700.300.000

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.245.203.181	1.546.094.276	2.184.670.000	1.606.627.457
Quỹ phúc lợi	1.860.508.133	0	54.000.000	1.806.508.133
	4.105.711.314	1.546.094.276	2.238.670.000	3.413.135.590

22. Phải trả người bán dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu năm trước	Số dư cuối năm nay				
Số dư đầu năm trước	100.529.200.000	100.529.200.000	323.060.671	41.002.773.233	123.156.432.229	265.011.466.133
Lợi nhuận trong kỳ					30.921.885.524	30.921.885.524
Trích lập các quỹ trong kỳ					(5.720.445.468)	(5.720.445.468)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	52.170.450.000	52.170.450.000			(52.170.450.000)	-
Chi cổ tức trong năm					(50.264.600.000)	(50.264.600.000)
Thường Ban lãnh đạo						-
Số dư cuối năm trước	152.699.650.000	152.699.650.000	323.060.671	41.002.773.233	45.922.822.285	239.948.306.189
Số dư đầu năm nay	152.699.650.000	152.699.650.000	323.060.671	41.002.773.233	45.922.822.285	239.948.306.189
Lợi nhuận trong kỳ					5.470.178.200	5.470.178.200
Trích lập các quỹ trong kỳ					(1.546.094.276)	(1.546.094.276)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận					-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận				(10.000.000.000)	(40.390.884.500)	(50.390.884.500)
Thường Ban lãnh đạo						-
Số dư cuối năm nay	152.699.650.000	152.699.650.000	323.060.671	31.002.773.233	9.456.021.709	193.481.505.613

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Cộng**Cuối kỳ****Đầu năm**

152.699.650.000 152.699.650.000

323.060.671 323.060.671

153.022.710.671 153.022.710.671**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay**Năm trước**

152.699.650.000 152.699.650.000

50.264.600.000 0

d) Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm

- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành

trong tháng 3+tháng 6/2024 từ LNST chưa phân phối

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Năm nay**Năm trước**

15.269.965 10.052.920

- 5.217.045

15.269.965 15.269.965**d) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

320

1.924

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển:

31.002.773.233 41.002.773.233

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công:

Ngoại tệ các loại USD:

Ngoại tệ các loại CNY:

Cuối kỳ**Đầu năm**

5.794.862.306 6.268.192.365

15.773,30 2.076.663.96

505.560,00 3.093.451,84

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

**I. Tổng doanh thu bán hàng và cung
vụ****Năm nay****Năm trước**

309.424.063.907

288.581.777.066

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

309.424.063.907

288.581.777.066

Trong đó: Doanh thu nội địa

121.830.966.417

117.099.406.769

- DT xuất khẩu trực tiếp

187.593.097.490

171.482.370.297

- DT Sản phẩm Giấy vàng mã

24.724.726.972

20.376.625.965

Tương đương Tiền USD

973.989,64

826.302,76

- DT Sản phẩm Giấy dẻ XK

16.522.867.417

14.283.684.332

Tương đương Tiền USD

650.890,98

579.224,83

- DT Sản phẩm Tinh bột sắn

146.345.503.101

136.822.060.000

Quy ra USD

5.765.038,53

5.548.339,82

Tổng cộng USD:

7.389.919,14

6.953.867,41

Các khoản giảm trừ doanh thu

0

0

Doanh thu thuần**309.424.063.907****288.581.777.066**

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, Đ. Nguyễn Phúc, P. Hồng Hà, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	0
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	279.835.938.021	237.243.018.777
	279.835.938.021	237.243.018.777
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	605.028.500	1.732.815.770
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.420.153.003	449.163.392
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	266.412.677	226.647.604
- Chiết khấu thanh toán	81.328.684	87.663.608
Cộng	5.372.922.864	2.496.290.374
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	-	413.599.337
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	46.493.081
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	316.881.028	0
- Chi phí tài chính khác		
	316.881.028	460.092.418
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	0	0
Cộng	0	0
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	2.397.302	504.000.000
- Chi phí khác	0	0
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	0
Cộng	2.397.302	504.000.000
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	8.141.370.050	9.316.448.504
Chi phí vật liệu quản lý	219.515.703	201.653.213
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.681.167	276.939.436
Chi phí khấu hao TSCĐ	768.992.120	461.843.520
Thuế, phí và lệ phí	491.781.358	453.464.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.499.448	382.541.695
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	117.381.824	146.067.225
Chi phí bằng tiền khác	3.021.679.376	2.703.047.928
Cộng	13.353.901.046	13.942.005.643

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN 279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí cho nhân viên	0	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.154.013.845	11.628.261.196
- Chi phí khác	292.180.344	1.103.220.376
Cộng	14.426.194.189	12.731.481.572

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.391.496.985	4.171.094.787
Cộng	1.391.496.985	4.171.094.787

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền

Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2025



Giám đốc

Nguyễn Huy Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ	Loại trừ nội bộ	Cộng	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		102.451.836.667	24.724.726.972	181.938.011.379	-	309.488.889	-	309.424.063.907	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	6.890.651.540	37.586.280.070	8.952.194.358	90.393.233.218	-	-	(133.822.359.186)	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.890.651.540	140.038.116.737	33.676.921.330	272.331.244.597	-	309.488.889	(133.822.359.186)	309.424.063.907	
Chi phí bộ phận	-	85.368.847.664	20.241.757.171	201.695.939.533	-	-	-	307.306.544.367	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	17.082.989.003	4.482.969.801	(19.757.928.154)	-	-	-	1.808.030.651	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	5.372.922.864	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(316.881.028)	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.397.302)	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(1.391.496.985)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	5.470.178.200	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)				Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Số cuối năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	125.950.839.676				18.378.216.935	1.235.627.319	140.156.930.472	-	285.721.614.402
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(16.285.714.987)				3.443.634.200	403.674.273	12.438.406.514	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-	-	-	-	-
Tổng tài sản	109.665.124.689				21.821.851.135	1.639.301.592	152.595.336.986	-	285.721.614.402
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(86.059.666.896)				23.115.804.175	1.263.898.996	153.920.072.514	-	92.240.108.789
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(86.059.666.896)				23.115.804.175	1.263.898.996	153.920.072.514	-	92.240.108.789
Số đầu năm									
Tài sản trực tiếp của bộ phận	155.632.351.094				11.516.958.496	1.322.953.655	101.491.242.706	-	269.963.505.951
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(17.683.798.400)				4.409.227.947	526.643.620	12.747.926.833	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-	-	-	-	-
Tổng tài sản	137.948.552.694				15.926.186.443	1.849.597.275	114.239.169.539	-	269.963.505.951
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(84.315.955.095)				11.516.958.496	1.322.953.655	101.491.242.706	-	30.015.199.762
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	(84.315.955.095)				11.516.958.496	1.322.953.655	101.491.242.706	-	30.015.199.762

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, D.Nguyễn Phúc, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	121.830.966.417	117.099.406.769
Khu vực xuất khẩu	187.593.097.490	171.482.370.297
Cộng	<u>309.424.063.907</u>	<u>288.581.777.066</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(3.349.340.889)	(2.334.179.908)
Cộng	<u>(3.349.340.889)</u>	<u>(2.334.179.908)</u>

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền



Lập, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Huy Thông